

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**Thư giới thiệu sản phẩm:**Tên thương mại : Elecsys Syphilis
Mã sản phẩm : 09014977190

Sản phẩm được bán theo bộ và bao gồm các thành phần sau:

- R1
- R2
- SA Coat-Beads
- Syphilis Elecsys Cal 1
- Syphilis Elecsys Cal 2

Sau đây là thông tin tổng quan về các thành phần ghi nhãn của bộ sản phẩm:**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:P261 Tránh hít phải hơi sương hoặc hơi.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ.**Biện pháp ứng phó:**P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.**Việc thải bỏ:**

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

Sản phẩm được đánh giá theo thông số kỹ thuật của Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế (IATA) với kết quả như sau:

Không được chỉ định theo quy định

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : R1

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Roche Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 27, Tòa nhà Pearl Plaza
561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3810 1888

Địa chỉ e-mail : vietnam.sds@roche.com

Telefax : +84 28 3810 1999

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụngMục đích sử dụng : Các hoá chất phòng thí nghiệm
Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm để biết thêm
thông tin chi tiết.**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
N-Methylisothiazolone hydrochloride	26172-54-3	$\geq 0,025$ -< 0,1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Lời khuyên chung	: Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm. Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc. Không được để nạn nhân một mình.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	: Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Mở rộng mắt khi rửa. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. Xúc miệng bằng nước.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	: Khi thiết lập các thủ tục sơ cứu cần tham vấn bác sĩ chịu trách nhiệm trong lĩnh vực y tế công nghiệp.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Không có thông tin.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.
cho lính cứu hỏa

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
trình ứng phó sự cố Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm
này an toàn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy
ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát,
sau khi xảy ra sự cố silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.
cháy nổ
- Biện pháp, điều kiện cần áp : Không được hít hơi/bụi.
dụng khi sử dụng, thao tác Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi
với hóa chất nguy hiểm dùng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa
phương.
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc
các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc
trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.
- Biện pháp, điều kiện cần áp : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
dụng khi bảo quản Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân
theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Các thông tin bổ sung về : Xem nhãn, hướng dẫn sử dụng hay các tài liệu hướng dẫn
điều kiện lưu trữ nội bộ
- Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
kho lưu trữ

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN****Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát : chưa có dữ liệu
thiết bị phù hợp**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

Bảo vệ tay

Vật liệu : Găng tay bảo hộ

Ghi chú : Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó. Khuyến cáo này chỉ dành cho các sản phẩm ghi trong phiếu dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và dùng trong các ứng dụng do chúng tôi quy định. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khítBảo vệ da và cơ thể : Quần áo không thấm.
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : thể lỏng

Màu sắc : màu vàng nhạt

Mùi đặc trưng : không mùi

Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu

Độ pH : 5,5 - 7,5

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Điểm/ khoảng nóng chảy	: -1 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	: 95 - 105 °C
Điểm cháy	: không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Không duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	: 1,007 g/cm ³
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	: chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	: Không gây nổ

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Đặc tính oxy hóa : Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.

Tính ổn định : Ổn định trong các điều kiện thông thường.

Phản ứng nguy hiểm : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

Các điều kiện cần tránh : Tiếp xúc với ánh sáng.

Vật liệu không tương thích : Các chất oxy hóa mạnh

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 175 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,11 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột, con đực): 246 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Ăn mòn/kích ứng da

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

Thành phần:**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loài : biểu bì của người được tái lập (RhE)
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 431
Kết quả : Gây bỏng nặng.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Hơi có thể gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.

Thành phần:**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da**Nhạy cảm với da**

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với da

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Gây mẫn cảm.

Thành phần**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại
Loài : Chuột lang
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả : Dương tính
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm Ames)
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân
Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474
Kết quả: Âm tính
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch trình
Loài: Chuột (Đực và cái)
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486
Kết quả: Âm tính

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Tác nhân gây ung thư

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Độc tính sinh sản

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Ảnh hưởng đến sự phát triển : Loài: Chuột
của thai
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Liều lượng: 40 mg/kg bw/ngày
Kết quả: Không ảnh hưởng đến sự phát triển của thai.
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

STOT - Tiếp xúc một lần

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loài : Chuột
NOEL : 94 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408
Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào
Không có thông tin về con người.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loài : Chó
NOAEL : 40,9 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 409
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one



Elecsys Syphilis

Version 4.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 07.10.2024	Ngày ban hành cuối cùng: 07.10.2024 Ngày ban hành đầu tiên: 22.07.2020
----------------	---	---

Độc tính hô hấp
Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 4,77 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,33 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 0,289 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,0442 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Thành phần:****N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính phân hủy sinh học : hiệu khí
Kết quả: Không dễ phân huỷ sinh học.
Phân hủy sinh học: 0 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

Khả năng tích lũy sinh học**Thành phần:****N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Được cho là không tích lũy sinh học ($\log Pow \leq 4$).
Hệ số phân tán: n-octanol/nước : $\log Pow$: Khoảng -0,44 (20 °C)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
Có thể loại bỏ như nước thải khi đáp ứng được các quy định địa phương

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Số hiệu UN : Không áp dụng được

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được

IATA-DGR

Số UN/ID : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng
hóa máy bay) : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành
khách máy bay) : Không áp dụng được

Mã IMDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được
Mã EmS : Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng được

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Hàng hóa không nguy hiểm hiểu theo nghĩa của ADR/RID,
ADN, Mã IMDG, ICAO/IATA-DGR

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Nghị định của Chính phủ 113/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC : Không tuân thủ với bản kiểm kê

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

DSL	: Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành. Bovine Serum Albumin hydroxyl-2-pyridone Antigen / Protein, recombinant Antigen rec.-Biotin-conjugate
NZIoC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ENCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TCSI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤTNgày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AICS - Kiểm kê hóa chất Úc; ANTT - Cơ quan quốc gia về vận tải trên đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về thử nghiệm vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ CPR - Các định về sản phẩm bị kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng tình trạng KENCS - Hóa chất hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn phản ứng tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan nghiên cứu ung thư toàn cầu; IATA - Hiệp hội hàng không toàn cầu; IBC - Mã quốc tế về xây dựng và thiết bị tàu chuyên chở hóa chất độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; IECSC - Kiểm kê hóa

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

chất hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức hàng hải quốc tế; ISHL - Luật sức khỏe và an toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; KECI - Kiểm kê hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng gây chết người trung bình); MARPOL - Quy ước quốc tế về phòng chống ô nhiễm từ tàu thuyền; n.o.s. - Không được quy định khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn chính thức Mexico; NTP - Chương trình độc học quốc gia; NZIoC - Kiểm kê hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất độc hại, bền và khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê hóa chất Philippine; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; TSCA - Đạo luật kiểm soát độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên hiệp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất khó phân hủy; HMIS - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

Phiên bản : 4.1
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất
Ngày ban hành cuối cùng : 16.04.2022
Ngày ban hành đầu tiên : 10.06.2019

VN / VI / 2304

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : R2

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Roche Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 27, Tòa nhà Pearl Plaza
561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3810 1888

Địa chỉ e-mail : vietnam.sds@roche.com

Telefax : +84 28 3810 1999

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụngMục đích sử dụng : Các hoá chất phòng thí nghiệm
Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm để biết thêm
thông tin chi tiết.**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
N-Methylisothiazolone hydrochloride	26172-54-3	$\geq 0,025$ - $< 0,1$

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Lời khuyên chung	: Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm. Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc. Không được để nạn nhân một mình.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	: Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Mở rộng mắt khi rửa. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. Xúc miệng bằng nước.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	: Khi thiết lập các thủ tục sơ cứu cần tham vấn bác sĩ chịu trách nhiệm trong lĩnh vực y tế công nghiệp.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Không có thông tin.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Carbon ôxit
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.
cho lính cứu hỏa

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
trình ứng phó sự cố Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm
này an toàn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy
ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát,
sau khi xảy ra sự cố silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.
cháy nổ
- Biện pháp, điều kiện cần áp : Không được hít hơi/bụi.
dụng khi sử dụng, thao tác Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi
với hóa chất nguy hiểm dùng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa
phương.
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc
các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc
trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.
- Biện pháp, điều kiện cần áp : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
dụng khi bảo quản Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân
theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Các thông tin bổ sung về : Xem nhãn, hướng dẫn sử dụng hay các tài liệu hướng dẫn
điều kiện lưu trữ nội bộ
- Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
kho lưu trữ

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN****Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát : chưa có dữ liệu
thiết bị phù hợp**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

Bảo vệ tay

Vật liệu	: Cao su nitrile
Thời gian thấm	: > 30 min
Độ dày của găng	: > 0,11 mm

Vật liệu	: cao su butyl
Thời gian thấm	: > 480 min
Độ dày của găng	: > 0,4 mm

Ghi chú : Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó. Khuyến cáo này chỉ dành cho các sản phẩm ghi trong phiếu dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và dùng trong các ứng dụng do chúng tôi quy định. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khít

Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo không thấm.
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : thể lỏng

Màu sắc : màu vàng nhạt

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Mùi đặc trưng	:	không mùi
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	5,5 - 7,5
Điểm/ khoảng nóng chảy	:	-1 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	:	95 - 105 °C
Điểm cháy	:	không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Không duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	:	Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	1,007 g/cm ³
Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	: chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	: Không gây nổ
Đặc tính ôxy hóa	: Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	: Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường. Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	: Tiếp xúc với ánh sáng.
Vật liệu không tương thích	: Các chất oxy hóa mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 175 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425
Độc tính cấp do hít phải	: LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,11 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403 Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp. Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

isothiazol-3-one

Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột, con đực): 246 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Ăn mòn/kích ứng da

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loài : biểu bì của người được tái lập (RhE)
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 431
Kết quả : Gây bỏng nặng.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Hơi có thể gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với da

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Sản phẩm:

Ghi chú : Gây mẫn cảm.

Thành phần

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại
Loài : Chuột lang
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả : Dương tính
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm Ames)
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân
Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474
Kết quả: Âm tính
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch
trình

Loài: Chuột (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Tác nhân gây ung thư

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Độc tính sinh sản

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Ảnh hưởng đến sự phát triển : Loài: Chuột
của thai

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Liều lượng: 40 mg/kg bw/ngày

Kết quả: Không ảnh hưởng đến sự phát triển của thai.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

STOT - Tiếp xúc một lần

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Lượng độc lặp lại**Thành phần:****N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loài : Chuột

NOEL : 94 mg/kg bw/ngày

Lộ trình ứng dụng : Đường miệng

Thời gian phơi nhiễm : 90 d

Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408

Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào

Không có thông tin về con người.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Loài : Chó
NOAEL : 40,9 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 409
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 4,77 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,33 mg/l
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 0,289 mg/l
dưới nước
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1
đối với môi trường thủy sinh)

1

1

Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,0442 mg/l
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác
(Tính độc mãn tính)
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1
tính đối với môi trường thủy

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

sinh)

1

1

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Tính phân hủy sinh học : hiệu khí
Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Phân hủy sinh học: 0 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Được cho là không tích lũy sinh học ($\log Pow \leq 4$).

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : $\log Pow$: Khoảng -0,44 (20 °C)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
Có thể loại bỏ như nước thải khi đáp ứng được các quy định địa phương

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được

IATA-DGR

Số UN/ID	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: Không áp dụng được

Mã IMDG

Số hiệu UN	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Mã EmS	: Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương	: Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng được

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Hàng hóa không nguy hiểm hiểu theo nghĩa của ADR/RID, ADN, Mã IMDG, ICAO/IATA-DGR

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Nghị định của Chính phủ 113/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

số 113/2017/ND-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
DSL	: Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành. Bovine Serum Albumin hydroxyl-2-pyridone MAB / PAB Streptavidin rec. Antigen-Conjugat
NZIoC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ENCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TCSI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤTNgày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AICS - Kiểm kê hóa chất Úc; ANTT - Cơ quan quốc gia về vận tải trên đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về thử nghiệm vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ CPR - Các định về sản phẩm bị kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện tiêu

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng tình trạng KENCS - Hóa chất hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn phản ứng tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan nghiên cứu ung thư toàn cầu; IATA - Hiệp hội hàng không toàn cầu; IBC - Mã quốc tế về xây dựng và thiết bị tàu chuyên chở hóa chất độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; IECSC - Kiểm kê hóa chất hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức hàng hải quốc tế; ISHL - Luật sức khỏe và an toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; KECI - Kiểm kê hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng gây chết người trung bình); MARPOL - Quy ước quốc tế về phòng chống ô nhiễm từ tàu thuyền; n.o.s. - Không được quy định khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn chính thức Mexico; NTP - Chương trình độc học quốc gia; NZIoC - Kiểm kê hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất độc hại, bền và khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê hóa chất Philippine; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; TSCA - Đạo luật kiểm soát độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên hiệp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất khó phân hủy; HMIS - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

Phiên bản : 4.1
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất
Ngày ban hành cuối cùng : 23.04.2022
Ngày ban hành đầu tiên : 16.03.2021

VN / VI / 2304

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : SA Coat-Beads

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Roche Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 27, Tòa nhà Pearl Plaza
561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3810 1888

Địa chỉ e-mail : vietnam.sds@roche.com

Telefax : +84 28 3810 1999

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụngMục đích sử dụng : Các hoá chất phòng thí nghiệm
Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm để biết thêm
thông tin chi tiết.**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Sucrose	57-50-1	$\geq 1,5$ -< 3
N-Methylisothiazolone hydrochloride	26172-54-3	$\geq 0,0025$ -< 0,025

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- | | | |
|--|---|--|
| Lời khuyên chung | : | Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình. |
| Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp | : | Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. |
| Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da | : | Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước. |
| Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt | : | Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Mở rộng mắt khi rửa.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài. |
| Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa | : | Giữ sạch đường hô hấp.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Xúc miệng bằng nước. |
| Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này | : | Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. |
| Lưu ý đối với bác sỹ điều trị | : | Khi thiết lập các thủ tục sơ cứu cần tham vấn bác sĩ chịu trách nhiệm trong lĩnh vực y tế công nghiệp. |

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- | | | |
|---|---|--|
| Các phương tiện chữa cháy thích hợp | : | Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. |
| Các phương tiện chữa cháy không thích hợp | : | Tia nước dung tích lớn |
| Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy | : | Không có thông tin. |
| Các chất độc được sinh ra khi bị cháy | : | Carbon ôxit
Nitơ ôxit (NOx)
Ôxit lưu huỳnh |

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Các phương pháp cứu hỏa : Sản phẩm không tự cháy.
cụ thể

Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa
phương và môi trường xung quanh.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.
cho lính cứu hỏa

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
trình ứng phó sự cố Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.

Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm
này an toàn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy
ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trợ (ví dụ như cát,
sau khi xảy ra sự cố silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phốt thông, mùn cưa).
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hỏa hoạn.
cháy nổ

Biện pháp, điều kiện cần áp : Không được hít hơi/bụi.
dụng khi sử dụng, thao tác Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi
với hóa chất nguy hiểm dùng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa
phương.
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc
các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc
trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.

Biện pháp, điều kiện cần áp : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
dụng khi bảo quản Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân
theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

Các thông tin bổ sung về : Xem nhãn, hướng dẫn sử dụng hay các tài liệu hướng dẫn
điều kiện lưu trữ nội bộ

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn kho lưu trữ

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
.alpha.-D-Glucopyranoside, .beta.-D-fructofuranosyl	57-50-1	TWA	10 mg/m3	ACGIH

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : chưa có dữ liệu

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Trong trường hợp có hơi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.

Bảo vệ tay

Trong trường hợp bị hóa chất bắn vào:

Vật liệu : Cao su nitrile
Thời gian thấm : > 30 min
Độ dày của găng : > 0,11 mm

Trong trường hợp tiếp xúc toàn bộ:

Vật liệu : cao su butyl
Thời gian thấm : > 480 min
Độ dày của găng : > 0,4 mm

Ghi chú : Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó. Khuyến cáo này chỉ dành cho các sản phẩm ghi trong phiếu dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và dùng trong các ứng dụng do chúng tôi quy định. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khít

Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo không thấm.
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng, Chứa các vi hạt
Màu sắc	: trong suốt, không màu, màu nâu đỏ
Mùi đặc trưng	: không mùi
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 7,1 - 7,4
Điểm/ khoảng nóng chảy	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	: chưa có dữ liệu
Điểm cháy	: không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: Sản phẩm không dễ cháy., Không duy trì sự cháy
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Không duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	: Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	: 1,01 g/cm ³ (20 °C)

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	: chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	: Không gây nổ Phán đoán chuyên môn
Đặc tính oxy hóa	: Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	: Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	: chưa có dữ liệu
Vật liệu không tương thích	: chưa có dữ liệu
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. Khi có cháy sẽ tạo ra các sản phẩm phân hủy nguy hại như: Carbon ôxít Nito ôxít (NO _x) Ôxít lưu huỳnh

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường
miệng : Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính cấp qua da : Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:

Sucrose:

Độc tính cấp theo đường
miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 29.700 mg/kg

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc tính cấp theo đường
miệng : LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 175 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,11 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột, con đực): 246 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Ăn mòn/kích ứng da

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loài : biểu bì của người được tái lập (RhE)
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 431
Kết quả : Gây bỏng nặng.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Hơi có thể gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với da

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Gây mẫn cảm.

Thành phần

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại
Loài : Chuột lang
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả : Dương tính
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:**Sucrose:**

Độc tính gây đột biến gen : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm biến đổi gen tế bào trên động
trong ống thí nghiệm vật có vú tại phòng thí nghiệm
Kết quả: Âm tính

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc tính gây đột biến gen : Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm
trong ống thí nghiệm Ames)
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao
đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm biến đổi gen tế bào trên động
vật có vú tại phòng thí nghiệm

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung
quốc

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Độc tính gây đột biến gen : Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân
trong cơ thể Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474
Kết quả: Âm tính
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch
trình

Loài: Chuột (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**Tác nhân gây ung thư**Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.**Thành phần:****Sucrose:**

Ghi chú : Không có thành phần nào của sản phẩm ở mức cao hơn hoặc bằng 0.1 % được xác định là chất nghi ngờ, có thể hoặc chắc chắn gây ung thư ở người theo quy định của IARC.

Độc tính sinh sảnKhông phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.**Thành phần:****N-Methylisothiazolone hydrochloride:**Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Liều lượng: 40 mg/kg bw/ngày
Kết quả: Không ảnh hưởng đến sự phát triển của thai.
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one**STOT - Tiếp xúc một lần**Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng**Sản phẩm:**

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

Thành phần:**Sucrose:**

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

STOT - Tiếp xúc lặp lạiDựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng**Sản phẩm:**

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Thành phần:

Sucrose:

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loài : Chuột
NOEL : 94 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408
Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào
Không có thông tin về con người.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loài : Chó
NOAEL : 40,9 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 409
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

Sucrose:

chưa có dữ liệu

Thông tin khác

Thành phần:

Sucrose:

Ghi chú : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Dữ liệu độc tính trên đất : Được cho là không hấp phụ vào đất.

Thành phần:

Sucrose:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Dữ liệu độc tính trên đất : Được cho là không hấp phụ vào đất.

Các sinh vật khác liên quan đến môi trường : chưa có dữ liệu

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc đối với cá : LC50 (*Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng)): 4,77 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (*Daphnia magna* (Bọ nước)): 2,33 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (*Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)): 0,289 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,0442 mg/l
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác Thời gian phơi nhiễm: 21 d
(Tính độc mãn tính) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-
isothiazol-3-one

Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1
tính đối với môi trường thủy
sinh)

1

1

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Thành phần:****N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Tính phân hủy sinh học : hiều khí
Kết quả: Không dễ phân huỷ sinh học.
Phân hủy sinh học: 0 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

Khả năng tích lũy sinh học**Thành phần:****Sucrose:**

Hệ số phân tán: n- : log Pow: -3,7 (20 °C)
octanol/nước

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Được cho là không tích lũy sinh học (log Pow <= 4).

Hệ số phân tán: n- : log Pow: Khoảng -0,44 (20 °C)
octanol/nước Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

- Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
Có thể loại bỏ như nước thải khi đáp ứng được các quy định địa phương
- Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

- Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được

IATA-DGR

- Số UN/ID : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : Không áp dụng được

Mã IMDG

- Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được
Mã EmS : Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng được

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Hàng hóa không nguy hiểm hiệu theo nghĩa của ADR/RID,
ADN, Mã IMDG, ICAO/IATA-DGR

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Nghị định của Chính phủ 113/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/ND-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
DSL	: Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành. hydroxyl-2-pyridone Beads
NZIoC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ENCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TCSI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

ACGIH : USA. ACGIH Threshold Limit Values (TLV)

ACGIH / TWA : 8-hour, time-weighted average

AICS - Kiểm kê hóa chất Úc; ANTT - Cơ quan quốc gia về vận tải trên đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về thử nghiệm vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ CPR - Các định về sản phẩm bị kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng tình trạng KENCS - Hóa chất hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn phản ứng tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan nghiên cứu ung thư toàn cầu; IATA - Hiệp hội hàng không toàn cầu; IBC - Mã quốc tế về xây dựng và thiết bị tàu chuyên chở hóa chất độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; IECSC - Kiểm kê hóa chất hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức hàng hải quốc tế; ISHL - Luật sức khỏe và an toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; KECI - Kiểm kê hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng gây chết người trung bình); MARPOL - Quy ước quốc tế về phòng chống ô nhiễm từ tàu thuyền; n.o.s. - Không được quy định khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn chính thức Mexico; NTP - Chương trình độc học quốc gia; NZIoC - Kiểm kê hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất độc hại, bền và khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê hóa chất Philippine; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; TSCA - Đạo luật kiểm soát độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên hiệp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất khó phân hủy; HMIS - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

Phiên bản : 4.1

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất
Ngày ban hành cuối cùng : 08.04.2022
Ngày ban hành đầu tiên : 12.11.2019

VN / VI / 2304

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : Syphilis Elecsys Cal 1

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Roche Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 27, Tòa nhà Pearl Plaza
561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3810 1888

Địa chỉ e-mail : vietnam.sds@roche.com

Telefax : +84 28 3810 1999

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụngMục đích sử dụng : Các hoá chất phòng thí nghiệm
Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm để biết thêm
thông tin chi tiết.**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Các lưu ý phòng ngừa

:

Biện pháp phòng ngừa:

P261 Tránh hít phải bụi.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó:

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Bản chất hóa học : Thao tác như đối với các sản phẩm có khả năng lây nhiễm

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
N-Methylisothiazolone hydrochloride	26172-54-3	$\geq 0,5$ - < 1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.

Trường hợp tai nạn khi tiếp : Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

xúc với mắt	Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Mở rộng mắt khi rửa. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. Xúc miệng bằng nước.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	: Khi thiết lập các thủ tục sơ cứu cần tham vấn bác sĩ chịu trách nhiệm trong lĩnh vực y tế công nghiệp.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Carbon ôxit Nitơ ôxit (NOx) Ôxit lưu huỳnh
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tránh tạo ra bụi. Tránh hít bụi.
Các cảnh báo về môi trường	: Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh : Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.
sau khi xảy ra sự cố

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi
cháy nổ : Tránh tạo ra bụi.
Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo
thành.
- Biện pháp, điều kiện cần áp
dụng khi sử dụng, thao tác
với hóa chất nguy hiểm : Tránh tạo ra các bụi hô hấp.
Không được hít hơi/bụi.
Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi
dùng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa
phương.
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc
các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc
trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.
- Biện pháp, điều kiện cần áp
dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
Các bình chứa đã mở phải được đóng gắp lại cẩn thận và giữ
theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ.
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân
theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Các thông tin bổ sung về
điều kiện lưu trữ : Xem nhãn, hướng dẫn sử dụng hay các tài liệu hướng dẫn
nội bộ
- Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
kho lưu trữ

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát : chưa có dữ liệu
thiết bị phù hợp

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay

Trong trường hợp bị hóa chất bắn vào:

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Vật liệu : Cao su nitrile
Thời gian thấm : > 30 min
Độ dày của găng : > 0,11 mm

Trong trường hợp tiếp xúc toàn bộ:
Vật liệu : cao su butyl
Thời gian thấm : > 480 min
Độ dày của găng : > 0,4 mm

Ghi chú : Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó. Khuyến cáo này chỉ dành cho các sản phẩm ghi trong phiếu dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và dùng trong các ứng dụng do chúng tôi quy định. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khít

Bảo vệ da và cơ thể : Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : rắn, (đồng khô)

Màu sắc : màu vàng nhạt

Mùi đặc trưng : đặc tính

Ngưỡng mùi : Không áp dụng được

Độ pH : Không áp dụng được

Điểm/ khoảng nóng chảy : chưa có dữ liệu

Điểm sôi/khoảng sôi : chưa có dữ liệu

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Điểm cháy	:	không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Duy trì sự cháy
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ lớn	:	1.000 - 2.000 g/cm ³
Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	hòa tan được
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt		
Độ nhớt, động lực	:	Không áp dụng được
Độ nhớt, động học	:	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	: Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường. Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	: Các nguồn nhiệt trực tiếp.
Vật liệu không tương thích	: Các chất oxy hóa mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	: Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp do hít phải	: Ước lượng độc tính cấp: > 10 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Phương pháp tính toán Ước lượng độc tính cấp: > 10 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp qua da	: Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 175 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,11 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one
- Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột, con đực): 246 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Ăn mòn/kích ứng da

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

- Loài : biểu bì của người được tái lập (RhE)
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 431
Kết quả : Gây bỏng nặng.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng mắt, da và hệ hô hấp.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**Kích thích hô hấp hoặc da****Nhạy cảm với da**

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Gây mẫn cảm.

Thành phần**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
 Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.
 Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại
 Loài : Chuột lang
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
 Kết quả : Dương tính
 Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
 Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm Ames)
 Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium
 Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
 Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính gây đột biến gen
trong cơ thể

: Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân

Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch trình

Loài: Chuột (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Tác nhân gây ung thư

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Độc tính sinh sản

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:**N-Methylisothiazolone hydrochloride:**

Ảnh hưởng đến sự phát triển
của thai : Loài: Chuột

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Liều lượng: 40 mg/kg bw/ngày

Kết quả: Không ảnh hưởng đến sự phát triển của thai.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

STOT - Tiếp xúc một lần

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loài : Chuột
NOEL : 94 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408
Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào.
Không có thông tin về con người.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loài : Chó
NOAEL : 40,9 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 409
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Dữ liệu độc tính trên đất : Được cho là không hấp phụ vào đất.

Các sinh vật khác liên quan : chưa có dữ liệu
đến môi trường

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 4,77 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,33 mg/l
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (*Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)): 0,289 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (*Daphnia magna* (Bọ nước)): 0,0442 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Tính phân hủy sinh học : hiệu khí
Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Phân hủy sinh học: 0 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Được cho là không tích lũy sinh học ($\log Pow \leq 4$).

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : $\log Pow$: Khoảng -0,44 (20 °C)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu huỷ không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Bắt buộc phải có xử lý đặc biệt như đối với vật liệu lây nhiễm nhằm đáp ứng các quy định địa phương (tẩy trùng và thiêu đốt)
Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
Có thể loại bỏ như nước thải khi đáp ứng được các quy định địa phương

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được

IATA-DGR

Số UN/ID : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Nhãn : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng
hóa máy bay) : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành
khách máy bay) : Không áp dụng được

Mã IMDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được
Mã EmS : Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng được

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Hàng hóa không nguy hiểm hiểu theo nghĩa của ADR/RID,
ADN, Mã IMDG, ICAO/IATA-DGR

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Nghị định của Chính phủ 113/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC : Không tuân thủ với bản kiểm kê

DSL : Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.
Huyết thanh/ huyết tương/ ly huyết người, dạng đông khô hydroxyl-2-pyridone

NZIoC : Không tuân thủ với bản kiểm kê

ENCS : Không tuân thủ với bản kiểm kê

ISHL : Không tuân thủ với bản kiểm kê

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TCSI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤTNgày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AICS - Kiểm kê hóa chất Úc; ANTT - Cơ quan quốc gia về vận tải trên đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về thử nghiệm vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ CPR - Các định về sản phẩm bị kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng tình trạng KENCS - Hóa chất hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn phản ứng tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan nghiên cứu ung thư toàn cầu; IATA - Hiệp hội hàng không toàn cầu; IBC - Mã quốc tế về xây dựng và thiết bị tàu chuyên chở hóa chất độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; IECSC - Kiểm kê hóa chất hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức hàng hải quốc tế; ISHL - Luật sức khỏe và an toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; KECI - Kiểm kê hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng gây chết người trung bình); MARPOL - Quy ước quốc tế về phòng chống ô nhiễm từ tàu thuyền; n.o.s. - Không được quy định khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn chính thức Mexico; NTP - Chương trình độc học quốc gia; NZIoC - Kiểm kê hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất độc hại, bền và khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê hóa chất Philippine; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê hóa

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; TSCA - Đạo luật kiểm soát độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên hiệp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất khó phân hủy; HMIS - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

Phiên bản : 4.1
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất
Ngày ban hành cuối cùng : 14.04.2022
Ngày ban hành đầu tiên : 08.06.2019

VN / VI / 2304

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : Syphilis Elecsys Cal 2

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Roche Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 27, Tòa nhà Pearl Plaza
561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3810 1888

Địa chỉ e-mail : vietnam.sds@roche.com

Telefax : +84 28 3810 1999

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụngMục đích sử dụng : Các hoá chất phòng thí nghiệm
Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm để biết thêm
thông tin chi tiết.**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Các lưu ý phòng ngừa

:

Biện pháp phòng ngừa:

P261 Tránh hít phải bụi.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó:

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Bản chất hóa học : Thao tác như đối với các sản phẩm có khả năng lây nhiễm

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
N-Methylisothiazolone hydrochloride	26172-54-3	$\geq 0,5$ - < 1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.

Trường hợp tai nạn khi tiếp : Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

xúc với mắt	Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Mở rộng mắt khi rửa. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. Xúc miệng bằng nước.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	: Khi thiết lập các thủ tục sơ cứu cần tham vấn bác sĩ chịu trách nhiệm trong lĩnh vực y tế công nghiệp.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Carbon ôxit Nitơ ôxit (NOx) Ôxit lưu huỳnh
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tránh tạo ra bụi. Tránh hít bụi.
Các cảnh báo về môi trường	: Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh : Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.
sau khi xảy ra sự cố

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi
cháy nổ : Tránh tạo ra bụi.
Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo
thành.
- Biện pháp, điều kiện cần áp
dụng khi sử dụng, thao tác
với hóa chất nguy hiểm : Tránh tạo ra các bụi hô hấp.
Không được hít hơi/bụi.
Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi
dùng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa
phương.
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc
các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc
trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.
- Biện pháp, điều kiện cần áp
dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
Các bình chứa đã mở phải được đóng gắp lại cẩn thận và giữ
theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ.
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân
theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Các thông tin bổ sung về
điều kiện lưu trữ : Xem nhãn, hướng dẫn sử dụng hay các tài liệu hướng dẫn
nội bộ
- Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
kho lưu trữ

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát : chưa có dữ liệu
thiết bị phù hợp

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay

Trong trường hợp bị hóa chất bắn vào:

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Vật liệu : Cao su nitrile
Thời gian thấm : > 30 min
Độ dày của găng : > 0,11 mm

Trong trường hợp tiếp xúc toàn bộ:
Vật liệu : cao su butyl
Thời gian thấm : > 480 min
Độ dày của găng : > 0,4 mm

Ghi chú : Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó. Khuyến cáo này chỉ dành cho các sản phẩm ghi trong phiếu dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và dùng trong các ứng dụng do chúng tôi quy định. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khít

Bảo vệ da và cơ thể : Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : rắn, (đồng khô)

Màu sắc : màu vàng nhạt

Mùi đặc trưng : đặc tính

Ngưỡng mùi : Không áp dụng được

Độ pH : Không áp dụng được

Điểm/ khoảng nóng chảy : chưa có dữ liệu

Điểm sôi/khoảng sôi : chưa có dữ liệu

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Điểm cháy	:	không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Duy trì sự cháy
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ lớn	:	1.000 - 2.000 g/cm ³
Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt		
Độ nhớt, động lực	:	Không áp dụng được
Độ nhớt, động học	:	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	: Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường. Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	: Các nguồn nhiệt trực tiếp.
Vật liệu không tương thích	: Các chất oxy hóa mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	: Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp do hít phải	: Ước lượng độc tính cấp: > 10 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Phương pháp tính toán Ước lượng độc tính cấp: > 10 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp qua da	: Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 175 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,11 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one
- Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột, con đực): 246 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Ăn mòn/kích ứng da

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

- Loài : biểu bì của người được tái lập (RhE)
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 431
Kết quả : Gây bỏng nặng.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng mắt, da và hệ hô hấp.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Ghi chú : Gây mẫn cảm.

Thành phần

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại
Loài : Chuột lang
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả : Dương tính
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm Ames)
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính gây đột biến gen
trong cơ thể

: Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân

Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch trình

Loài: Chuột (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486

Kết quả: Âm tính

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Tác nhân gây ung thư

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Độc tính sinh sản

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Ảnh hưởng đến sự phát triển
của thai : Loài: Chuột

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Liều lượng: 40 mg/kg bw/ngày

Kết quả: Không ảnh hưởng đến sự phát triển của thai.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

STOT - Tiếp xúc một lần

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Loài : Chuột
NOEL : 94 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408
Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào.
Không có thông tin về con người.

Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Loài : Chó
NOAEL : 40,9 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 409
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Không phân loại do thiếu dữ liệu.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Dữ liệu độc tính trên đất : Được cho là không hấp phụ vào đất.

Các sinh vật khác liên quan : chưa có dữ liệu
đến môi trường

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 4,77 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,33 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 48 h
xương sống thủy sinh khác : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (*Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)): 0,289 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (*Daphnia magna* (Bọ nước)): 0,0442 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

1

1

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Tính phân hủy sinh học : hiệu khí
Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Phân hủy sinh học: 0 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

N-Methylisothiazolone hydrochloride:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Được cho là không tích lũy sinh học ($\log Pow \leq 4$).

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : $\log Pow$: Khoảng -0,44 (20 °C)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu huỷ không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Bắt buộc phải có xử lý đặc biệt như đối với vật liệu lây nhiễm nhằm đáp ứng các quy định địa phương (tẩy trùng và thiêu đốt)
Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
Có thể loại bỏ như nước thải khi đáp ứng được các quy định địa phương

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được

IATA-DGR

Số UN/ID : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được

Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

Nhãn : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng
hóa máy bay) : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành
khách máy bay) : Không áp dụng được

Mã IMDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được
Mã EmS : Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng được

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Hàng hóa không nguy hiểm hiểu theo nghĩa của ADR/RID,
ADN, Mã IMDG, ICAO/IATA-DGR

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Nghị định của Chính phủ 113/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC : Không tuân thủ với bản kiểm kê

DSL : Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.
Huyết thanh/ huyết tương/ ly huyết người, dạng đông khô hydroxyl-2-pyridone

NZIoC : Không tuân thủ với bản kiểm kê

ENCS : Không tuân thủ với bản kiểm kê

ISHL : Không tuân thủ với bản kiểm kê

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TCSI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤTNgày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AICS - Kiểm kê hóa chất Úc; ANTT - Cơ quan quốc gia về vận tải trên đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về thử nghiệm vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ CPR - Các định về sản phẩm bị kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng tình trạng KENCS - Hóa chất hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn phản ứng tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan nghiên cứu ung thư toàn cầu; IATA - Hiệp hội hàng không toàn cầu; IBC - Mã quốc tế về xây dựng và thiết bị tàu chuyên chở hóa chất độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; IECSC - Kiểm kê hóa chất hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức hàng hải quốc tế; ISHL - Luật sức khỏe và an toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; KECI - Kiểm kê hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng gây chết người trung bình); MARPOL - Quy ước quốc tế về phòng chống ô nhiễm từ tàu thuyền; n.o.s. - Không được quy định khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn chính thức Mexico; NTP - Chương trình độc học quốc gia; NZIoC - Kiểm kê hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất độc hại, bền và khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê hóa chất Philippine; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê hóa

Elecsys SyphilisVersion
4.1Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020

chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; TSCA - Đạo luật kiểm soát độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên hiệp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất khó phân hủy; HMIS - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

Phiên bản : 4.1
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 07.10.2024
gần nhất
Ngày ban hành cuối cùng : 14.04.2022
Ngày ban hành đầu tiên : 08.06.2019

VN / VI / 2304

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006, đã được tu chính



Elecsys Syphilis

Version
4.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
07.10.2024

Ngày ban hành cuối cùng:
07.10.2024
Ngày ban hành đầu tiên:
22.07.2020